TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/ 2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 6 – 2022.
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH NINH THUẬN

T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Văn Thủy

- Bà Lê Thị Hường

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, về việc tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXX-ST, ngày 18- 5-2022 giữa.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn**:** Ông Trương Minh T1, sinh năm: 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà T, ông T1 tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận, tổ chức lễ cưới về chung sống với nhau ngày 01 tháng 11 năm 2016 có đến UBND xã P1 đăng ký kết hôn; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến cuối tháng 12 năm 2016 xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 đi nhậu về thường xảy ra cãi vã, khi bà T nói ông T1 đánh đập bà và sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay.

Nay bà T xét thấy tình cảm giữa bà với ông T1 không còn bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T1.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn khai không có.

Về bị đơn: Tòa án tống đạt các văn bản theo thủ tục tố tụng, bị đơn vắng mặt.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn bị đơn trình bày: đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn ông T1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn"

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Trương Minh T1 tự tìm hiểu về chung sống với nhau ngày 01tháng 11 năm 2016 có đến cơ quan cấp có thẩm quyền đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến cuối tháng 12 năm 2016 xảy ra xích mích, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm với nhau, tình cảm lạnh nhạt sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay.

Bà T yêu cầu được ly hôn ông T1, ông T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông T1 cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T xin ly hôn ông T1 là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[5] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6**]** Về tài sản chung, nợ chung*:* Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến, quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[8] Về án phí**:** Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 38; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí";

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Trương Minh T1.

Về án phí**:** Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002421, ngày 23-3-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt. Báo cho những người có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01-6-2022). Riêng người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án theo thủ tục tố tụng.

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Lê Thị Hường; Lưu Văn Thủy	**Đoàn Sửu**

- Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã P1 (để biết);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự

Đoàn Sửu